

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 262/2025/DS-ST

Ngày: 29 – 9 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Tín.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương;

2. Bà Phạm Thị Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Giang – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 696/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thái H, sinh năm 1987; thường trú tại: Ấp A, xã B, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: 234 T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Khánh L, sinh năm 2000; thường trú tại: Ấp S, xã Ó, tỉnh An Giang - là người đại diện theo uỷ quyền (theo văn bản uỷ quyền ngày 24/10/2024). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phú N, sinh năm 1992; thường trú: 441A, khu phố N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Ngô Châu T, sinh năm 1991; thường trú: 7C, Tổ E, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Nguyên đơn là chủ tiệm kinh doanh cầm đồ Quốc Dung tại địa chỉ 6 Tỉnh lộ 43, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 27/11/2023, ông Nguyễn Phú N có đem chiếc xe ô tô hiệu MG5, biển kiểm soát: 61K-26041, đến tiệm cầm đồ của nguyên đơn để cầm cố với giá 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), thời hạn cầm cố là 01 (một) tháng kể từ ngày 27/11/2023 đến ngày 27/12/2023. Ông N nói chiếc xe trên là của vợ ông N tên Lê Thị Hoài T1, có đưa cho nguyên đơn Giấy chứng nhận đăng ký xe bản sao có công chứng, do ông N là khách quen nên nguyên đơn đã tin tưởng nhận cầm cố chiếc xe trên và ký với ông N Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số 004463, trong đó xác định rõ giá tiền, thời hạn cầm cố chiếc xe và đã giao số tiền 80.000.000 đồng cho bị đơn.

Ngày 07/12/2023, ông Ngô Châu T đến tiệm của nguyên đơn, nói chiếc ô tô hiệu MG5 do ông N cầm cố ngày 27/11/2023 là xe của ông T, còn bà Lê Thị Hoài T1 - người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe thực chất là vợ ông T chứ không phải là vợ ông N như lời ông N. Ông T đã đưa cho nguyên đơn xem Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty do ông T đứng tên người đại diện theo pháp luật, đồng thời đưa ra Hợp đồng cho thuê xe tự lái với người thuê là ông N.

Nhận thấy hành vi của ông N là trái quy định pháp luật, nguyên đơn đã trình báo cơ quan Công an xử lý. Sau đó Công an thành phố T đã mời các bên làm việc, tại cơ quan Công an các bên đã thương lượng phương án giải quyết vụ việc, chiếc xe nêu trên đã được cơ quan Công an trả lại cho ông Ngô Châu T, ông N có trách nhiệm trả lại số tiền 80.000.000 đồng đã nhận của nguyên đơn. Tuy nhiên sau đó ông N đã không thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền 80.000.000 đồng cho nguyên đơn như cam kết.

Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Phú N trả lại cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 94.700.000 đồng (Chín mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 80.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả kể từ ngày 27/11/2023 đến ngày 29/9/2025, lãi suất 10%/năm, số tiền là 14.700.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Phú N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông đến Tòa án tham gia tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 233 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông N đều vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố

tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Thái H khởi kiện đối với bị đơn ông Nguyễn Phú N liên quan đến việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản. Bị đơn cư trú tại D, Khu phố N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Phú N được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai theo quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Phú N trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo nội dung “Hợp đồng cầm cố tài sản” do nguyên đơn cung cấp thì chứng minh được bị đơn thực tế có cầm cố chiếc xe ô tô hiệu MG5, biển kiểm soát: 61K-26041 theo Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số 004463 ngày 27/11/2023 để vay của nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất các bên thoả thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Bị đơn không chứng minh được việc đã thanh toán một phần hay toàn bộ số tiền cho nguyên đơn, nên có căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tính đến hết ngày 29/9/2025 tổng cộng là 94.700.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn là đúng quy định. Do đó, cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm và nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền 94.700.000 đồng (Chín mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng), trong đó: tiền gốc là 80.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả kể từ ngày 27/11/2023 đến ngày 29/9/2025 là 14.700.000 đồng, và kể

từ ngày 30/9/2025 bị đơn còn phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố đến khi thanh toán xong nợ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2.3]. Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thái H về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Phú N có trách nhiệm trả số tiền 94.700.000 đồng, trong đó: T2 gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi là 14.700.000 đồng cho ông Trần Thái H.

[2.4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Phú N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho ông Trần Thái H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thái H đối với bị đơn ông Nguyễn Phú N về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.

Buộc ông Nguyễn Phú N có trách nhiệm trả cho ông Trần Thái H số tiền 94.700.000 đồng (Chín mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Phú N phải chịu 4.735.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Trần Thái H số tiền 2.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu tiền số 0009575 ngày 26/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An (nay là Phòng T4 – Thành phố Hồ Chí Minh)

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung T3